

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 26/2024/KDTM-GĐT

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Thanh Tùng

Bà Phạm Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H; địa chỉ: Đường Tr, phường A, quận Th, Thành phố Đà Nẵng;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Trọng H, chức vụ: Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Q, sinh năm 1975; địa chỉ: đường Ng, quận H, Thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2022).

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V; địa chỉ: đường Ng1, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban quản lý dự án Đ; địa chỉ: số đường B, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Văn Th, chức vụ: Giám đốc

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H trình bày:*

Ngày 23/5/2019, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V (viết tắt là Công ty V) và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H (viết tắt là Công ty H) ký Hợp đồng xây dựng số 23.05/2019/HĐXD để thi công gói thầu số 24 “*Xây dựng cầu kênh N và hai đường vào cầu thuộc dự án xây dựng tuyến đường H - G*” tại tỉnh Bạc Liêu. Tổng giá trị hợp đồng là 35.467.856.000 đồng.

Ngày 13/12/2019, Công ty H thi công xong phần đóng cọc đại trà trụ T4, móng M2, sàn giảm tải móng M2, bơm cát đến cao độ + 1,4m phần đường đầu cầu phía móng M1 và toàn bộ phần mặt bằng thi công trên công trường. Tất cả khối lượng đã nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư. Do Công ty V không chịu giải ngân các đợt thanh toán 1 và 2 cho Công ty H theo quy định của hợp đồng đã ký kết, phía Công ty H kiến nghị bằng văn bản số 31.12/2019 ngày 31/12/2019 nhưng Công ty V không phản hồi.

Ngày 10/01/2020, Công ty H có Công văn số 10.01/2020 v/v “*Thanh toán và đẩy nhanh tiến độ thi công: lần 02*” gửi Công ty V với nội dung: đề nghị Công ty V thanh toán tiền đợt 1 và đợt 2 theo hợp đồng đã ký kết; Công ty V có thể chủ động cung cấp nguồn vật tư chính đến công trường, thanh toán tiền máy móc thiết bị và nhân công để Công ty H thi công nhưng vẫn không nhận được sự hồi đáp từ phía Công ty V nhưng Công ty H vẫn tiếp tục thi công để đảm bảo tiến độ công trình và vì thực hiện đúng điều khoản đã giao ước trong hợp đồng.

Ngày 15/4/2020, sau khi thi công hoàn thiện các hạng mục: Phần thân trụ T4 (chưa có xà mũ), thân móng M2 cầu kênh N, Công ty H có Văn bản số 15.04/CVHT “*v/v thi công cầu Kênh N thuộc dự án H - G*” gửi Công ty V để yêu cầu cung ứng vật tư cho đơn vị thi công để thi công các hạng mục tiếp theo. Sau khi, đã có hàng loạt Phiếu yêu cầu đơn đặt hàng đối với Công ty V vào ngày 08/3/2020, ngày 12/3/2020, ngày 24/3/2020 không được đáp ứng. Đến ngày 01/4/2021, Công ty H đã thi công hoàn thiện các hạng mục: trụ T1, T2, T3, T4, móng M2, sàn giảm tải M2. Tính đến ngày 06/02/2021, thể theo cam kết tiến độ được hợp tại Ban Quản lý Đ ngày 30/11/2020, Công ty H đã thực hiện thi công đúng tiến độ đề ra.

Nhận thấy, phía Công ty V không đủ năng lực tài chính, chậm trễ giải ngân thanh toán cho đơn vị thi công là Công ty H, trong khi Công ty V đã được Chủ đầu tư là Ban Quản lý Đ tạm ứng vượt quá số tiền cho phép theo quy định. Tại thời điểm phải thanh toán đợt 05 theo hợp đồng, tương ứng với đợt 06 với Chủ đầu tư (21/01/2021) thì Chủ đầu tư phải thu hồi toàn bộ phần tiền tạm ứng của Công ty V đã ứng trước đó theo quy định tại Hợp đồng đã ký giữa Chủ đầu tư với Công ty V. Từ đây, Công ty V đã lâm vào thế bí về tài chính thật sự, không được tạm ứng từ Chủ đầu tư; hoàn ứng cho Chủ đầu tư; phải thanh toán cho Công ty H

trong vòng 05 ngày kể từ ngày thanh toán với Chủ đầu tư theo hợp đồng đã ký kết với Công ty H.

Để triển khai hạng mục tiếp theo là lao lắp dầm, hoàn thiện kết cấu phần trên và để thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký, Công ty H đã ký gửi Văn bản số 15.04/CVHT “*v/v thi công cầu N thuộc dự án H - G*” ngày 01/4/2021 yêu cầu Công ty V phát hành bảo lãnh thanh toán ngân hàng, mở tại ngân hàng trung gian đặt tại thành phố B cho Công ty H để đảm bảo tiến độ thanh toán hợp đồng khi Công ty H thực hiện xong hạng mục thi công và được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán, đồng thời đề nghị Công ty V chi hộ mua vật tư, máy thi công để thi công công trình theo Điều 4 (4.4) Hợp đồng nhưng Công ty H không nhận được sự phản hồi nào từ phía Công ty V.

Cùng thời điểm này, từ khoảng cuối tháng 3/2021 đến cuối tháng 8/2021, công trình xây dựng buộc tạm dừng thi công do tình hình dịch bệnh Covid 19. Đến tháng 9/2021, Công ty H phát hiện Công ty V đã đưa công nhân đơn vị khác vào thi công các phần việc dở dang của hợp đồng mà chúng tôi không biết, không được thông báo. Sau này, được biết Công ty V đã ký Hợp đồng với các thầu phụ khác gồm: Công ty CP XD và Thương mại dịch vụ B, Công ty CP C. Công ty V còn tự ý sử dụng vật tư, nguyên vật liệu của Công ty H để tại công trình để thi công, công nhân của Công ty H vào làm việc thì bị ngăn cản. Công trình thi đơn vị khác đang thi công, bên giao khoán thì không có ý kiến, do đó Công ty H buộc phải ngừng thi công để chờ phản hồi của Công ty V. Ngày 02/10/2021 Công ty H gửi Công ty V Văn bản số 210/CVHT “*v/v thanh quyết toán cầu Kênh N thuộc dự án H - G*”, đề nghị Công ty V hợp tác hoàn thiện hồ sơ quyết toán phần còn lại và thanh lý hợp đồng trước khi đơn vị khác thi công. Nhưng Công ty V không phản hồi, không có phương án để Công ty H tiếp tục thi công hay chấm dứt hợp đồng.

Ngày 30/11/2021, Công ty H gửi Công ty V hồ sơ thanh toán đề cho Công ty V tiến hành nghiệm thu với Chủ đầu tư gồm: Văn bản đề nghị thanh toán ngày 30/11/2021; Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ nội bộ đợt 7 ngày 30/11/2021 (phiếu giá thanh toán đợt 9 của Chủ đầu tư); Bảng tổng hợp khối lượng thanh toán đợt 9 ngày 30/11/2021 có xác nhận của đại diện hai bên, ký tên đóng dấu; Bảng tổng hợp giá trị khối lượng thanh toán đợt 9 ngày 30/11/2021 có xác nhận của đại diện hai bên, ký tên đóng dấu.

Ngày 03/12/2022 Công ty V tiến hành nghiệm thu các hạng mục công trình đã hoàn thành với Chủ đầu tư. Hai bên tham gia nghiệm thu và ký các biên bản sau: Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành đề nghị thanh toán (thanh toán đợt 9); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đợt 9 với giá trị thanh toán là 6.624.517.710 đồng.

Ngày 10/12/2021, Công ty H gửi Công ty V “*Hồ sơ đề nghị quyết toán đợt 9 với Chủ đầu tư là Quyết toán với H*”, gồm: Đề nghị thanh toán số tiền 1.855.842.000 đồng ngày 10/12/2021; Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ nội bộ

quyết toán sau khi căn trừ là 1.833.836.665 đồng (chưa tính gộp tiền bảo hành công trình); Bảng tổng hợp khối lượng quyết toán ngày 10/12/2021; Bảng tổng hợp giá trị khối lượng quyết toán ngày 10/12/2021. Do không nhận được phản hồi của Công ty V, Công ty H tiếp tục gửi các văn bản số 1001/CVHT ngày 10/01/2022; văn bản số 2501/CVHT ngày 25/01/2022 “v/v thanh quyết toán cầu Kênh N thuộc dự án H - G” để thúc đẩy và yêu cầu Công ty V đẩy nhanh thanh quyết toán công trình.

Ngày 16/02/2022, Công ty V gửi văn bản số 25/VC-VNC yêu cầu Công ty H trình hồ sơ phân khai khối lượng thi công chi tiết theo hồ sơ thanh toán lần 9; lập hồ sơ thanh toán theo khối lượng. Tuy nhiên, Công ty H không đồng ý với yêu cầu của Công ty V với lý do được nêu tại Công văn phúc đáp số 0103/CVHT ngày 01/03/2022. Mặt khác, nhận thấy việc chậm trễ thanh toán kéo dài, có dấu hiệu trốn tránh, Công ty H đã liên hệ với đại diện Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án Đ yêu cầu thanh toán tiền thi công cho Công ty H theo nội dung quy định tại mục III Điều 1 Phụ lục bổ sung số 01 “bổ sung cho hợp đồng số 23.05/HĐTK/2019 và PLHĐ số 01 ngày 12/06/2020”. Qua đó Công ty H được biết Ban quản lý dự án - Chủ đầu tư đã tạm ứng cho Công ty V vượt quá 50% giá trị Hợp đồng (mặc dù theo hợp đồng với Công ty V chỉ tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng), vì vậy Ban quản lý dự án không thể giải quyết hồ sơ đề nghị thanh toán cho Công ty H. Ngoài ra, tính đến nay Công ty V còn nợ Công ty H tiền thanh toán đợt 07 là: 106.872.591 đồng; khi triển khai Hợp đồng phát sinh thêm hạng mục Bê tông xà mũ trụ 35Mpa kể cả ván khuôn trị giá 113.589.399 đồng (khối lượng 17.80, đơn giá 6.381.427 mục 47 Bảng tổng hợp giá Hợp đồng, trang 12), căn cứ giá trị giảm trừ theo tỷ lệ giao khoán Công ty V phải thanh toán cho Công ty H thêm 113.589.399 đồng x 72% = 81.784.367 đồng. Việc phát sinh khối lượng thực tế này có xác nhận của Công ty V và Chủ đầu tư đều biết.

Thực tế, tổng giá trị khối lượng công việc Công ty H đã thực hiện đến thời điểm hiện tại là 17.701.213.586 đồng. Công trình đã nghiệm thu và sử dụng theo Biên bản nghiệm thu ngày 08/02/2023.

Hiện tại Công ty V mới thanh toán và trả hộ tiền vật tư cho Công ty H là 14.995.513.601 đồng, số tiền chưa thanh toán là 2.800.681.710 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2022 Công ty H yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền 2.800.681.710 đồng, gồm các khoản sau: Thanh toán công nợ chưa thanh toán đợt 7: 106.872.591 đồng; Thanh toán tiền thi công công trình phải quyết toán trong đợt 09: 1.726.964.074 đồng; Thanh toán vật tư phát sinh ngoài Hợp đồng: 81.784.367 đồng; Thanh toán tiền bảo hành 5%: 885.060.679 đồng. Tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả:  $150\% \times 7.8\% \times 2.800.681.710 \text{ đồng} \times 258/365 \text{ ngày} = 231.620.213 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền Công ty V phải thanh toán cho Công ty H là: 2.800.681.710 đồng + 231.620.213 đồng = 3.032.301.923 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bảo hành 5%: 885.060.679 đồng là 13.124.381 đồng và tiền lãi 82.201.773 đồng. Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty V thực hiện việc thanh toán 2.787.557.330 đồng + 149.418.440 đồng = 2.936.975.770 đồng.

*\* Bị đơn Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển V:* Tòa án đã triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật Công ty V không có mặt để Tòa án lấy lời khai và hòa giải.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Giữa Công ty H và Công ty V có ký hợp đồng xây dựng với nhau hay không thì Ban quản lý dự án Đ (viết tắt Ban quản lý dự án) không biết. Ban quản lý dự án chỉ thực hiện việc nghiệm thu và thanh toán tiền cho Công ty V, còn việc nghiệm thu, thanh toán tiền giữa Công ty V và Công ty H hoặc đơn vị khác thì Ban quản lý dự án không nắm được. Đối với việc thanh toán đợt 7 và đợt 9 giữa Công ty V và Ban quản lý dự án hoàn thành.

*\* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H đối với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V - đại diện là ông Nguyễn Văn H, Giám đốc có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H tổng số tiền là 2.936.975.770 đồng; trong đó bao gồm các khoản: Thanh toán công nợ chưa thanh toán đợt 7: 106.872.591 đồng, thanh toán tiền thi công công trình phải quyết toán trong đợt 09: 1.726.964.074 đồng, thanh toán vật tư phát sinh ngoài Hợp đồng: 81.784.367 đồng, thanh toán tiền bảo hành 5%: 871.936.298 đồng và tiền lãi chậm trả: 149.418.440 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty H đối với số tiền bảo hành 13.124.381 đồng và tiền lãi chậm trả 82.201.773 đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

*\* Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật:*

Ngày 21/3/2024 và ngày 29/3/2024, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển V có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 02/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 194/QĐ-VKS-KDTM kháng nghị Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

\* *Tại phiên tòa giám đốc thẩm:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Công ty H khởi kiện Công ty V về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty V thanh toán số tiền thi công tổng cộng là 2.936.975.770 đồng. Bị đơn Công ty V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, lấy lời khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng người đại diện theo pháp luật Công ty V không có mặt để Tòa án lấy lời khai, hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ; Công ty V được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt Công ty V là đúng quy định pháp luật. Việc đại diện của Công ty V được Tòa án triệu tập họp lệ để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tuy nhiên Công ty V vắng mặt suốt quá trình tố tụng thể hiện việc mặc nhiên từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc hậu quả pháp lý bất lợi đối với Công ty V.

[2] Sau khi Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ có hiệu lực thi hành; đến ngày 21/3/2024 và ngày 29/3/2024, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển V có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm, kèm theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm là các Phiếu chi do Công ty V chuyển tiền cho Công ty H, gồm:

- Phiếu chi ngày 10/12/2021, chuyển 800.000.000 đồng, có nội dung “Thanh toán đợt 9 cầu N”.
- Phiếu chi ngày 28/4/2022, chuyển 100.000.000 đồng, có nội dung “Chuyển tiền thầu phụ cầu N”.
- Phiếu chi ngày 25/7/2022, thanh toán 50.000.000 đồng, có nội dung “Chuyển tiền thầu phụ Cầu N”.
- Phiếu chi ngày 05/8/2022, thanh toán 50.000.000 đồng, có nội dung “Chuyển tiền thầu phụ Cầu N”.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đối với Công ty V, nhưng Công ty V không có mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ mà không có lý do chính đáng,

nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án Đ đã giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết tranh chấp là đúng quy định tại Điều 96, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không thuộc các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo quy định tại Điều 326 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, các phiếu chi tiền cho Công ty H và việc Công ty V ký kết với 02 thầu phụ khác là Công ty cổ phần xây dựng và Thương mại dịch vụ B và Công ty cổ phần C là các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, sẽ được xem xét, đánh giá trình tự, thủ tục tái thẩm.

[4] Từ các nhận định nêu trên, xét Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 194/QĐ-VKS-KDTM ngày 02/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 194/QĐ-VKS-KDTM ngày 02/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”, giữa nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp H với bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án Đ.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS (TNB).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**